

Số: 1010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

BAN HÀNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	Số: 1010
	Ngày: 10/8/2018
	Chuyên: Ban hành
	Lưu: Ban hành

QUYẾT ĐỊNH

Về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn, bao gồm:

1. Các xã là khu vực III, khu vực II ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; không bao gồm các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới;

2. Các xã có tên trong danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020. Không bao gồm: các xã khu vực I thuộc Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; các xã khu vực II thuộc

Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã an toàn khu, xã biên giới thuộc vùng đồng bằng và các xã tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này.

3. Các xã có tên trong danh sách ban hành kèm theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không bao gồm: các xã khu vực I thuộc Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; các xã khu vực II thuộc Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã thuộc vùng đồng bằng và các xã tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 của Quyết định này.

4. Các xã có tên trong danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020. Không bao gồm: các xã khu vực I thuộc Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; các xã khu vực II thuộc Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ đã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Quyết định này.

5. Các xã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) của danh sách ban hành kèm theo các văn bản quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Quyết định này.

6. Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục được hưởng các chính sách như đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

Điều 2. Nguyên tắc chuyển tiếp:

1. Trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trường hợp địa phương đã thực hiện chế độ, chính sách có liên quan cho đối tượng thuộc địa bàn xã ra khỏi vùng khó khăn, cho phép tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách tối đa đến hết năm 2018, không thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước đã chi trả cho các đối tượng.

2. Trường hợp địa phương chưa thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan cho các đối tượng trên địa bàn xã đã ra khỏi vùng khó khăn trong năm 2018, thực hiện theo nguyên tắc: các đối tượng được hưởng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nguồn kinh phí còn lại, địa phương sử dụng để chi trả cho các đối tượng thuộc địa bàn xã mới được bổ sung vào danh sách (nếu có) và chi trả thay phần ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, địa phương tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc trên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Định kỳ hàng năm (vào cuối tháng 12), Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm cập nhật danh mục tổng hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn trên Trang Thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc.

2. Các Bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo, hướng dẫn và áp dụng các chính sách có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ xã thuộc vùng khó khăn tổ chức triển khai thực hiện các chính sách có liên quan. Hàng năm (vào đầu tháng 12) rà soát, cung cấp thông tin cho Ủy ban Dân tộc để tổng hợp và cập nhật trên Trang Thông tin điện tử.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

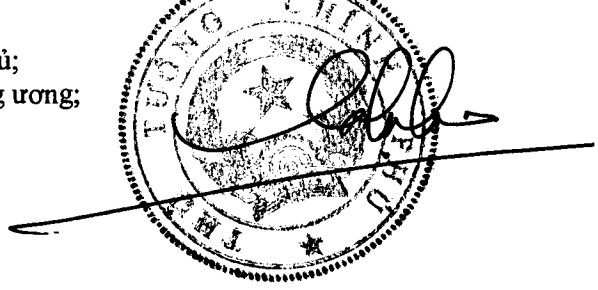
Điều 5. Trách nhiệm thi hành:

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ 205

**KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trương Hòa Bình